

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	13,600 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.5%	-2.2%	4.6%

DT thuần	2023	YoY
9,605		▲ 1,628
tỷ VNĐ		▲ 20.4%

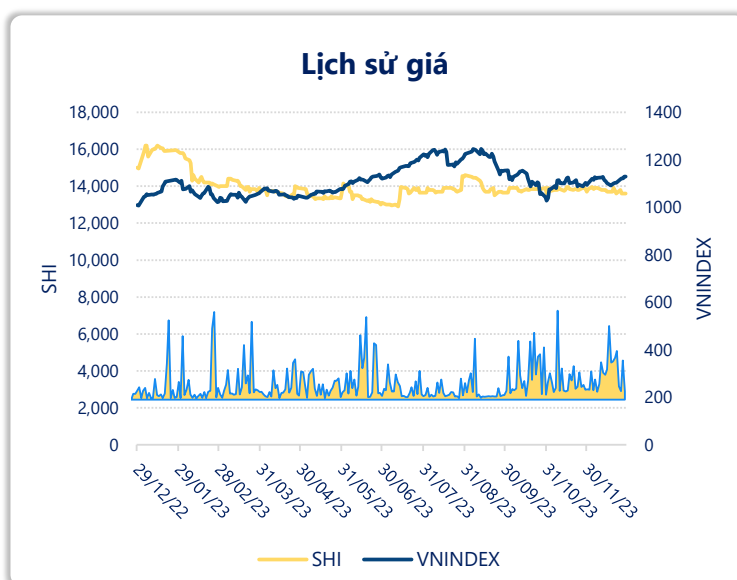
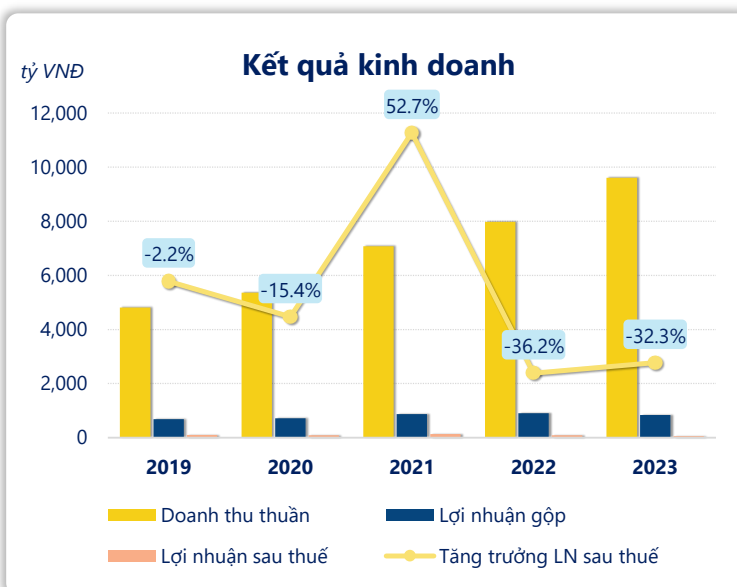
LN gộp	2023	YoY
837		▼ 65.0
tỷ VNĐ		▼ 7.2%

LN thuần	2023	YoY
107		▼ 15.0
tỷ VNĐ		▼ 12.8%

LN sau thuế	2023	YoY
59.1		▼ 28.2
tỷ VNĐ		▼ 32.3%

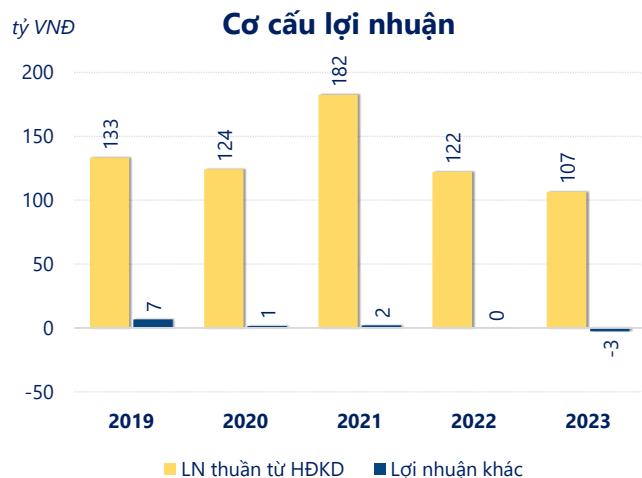
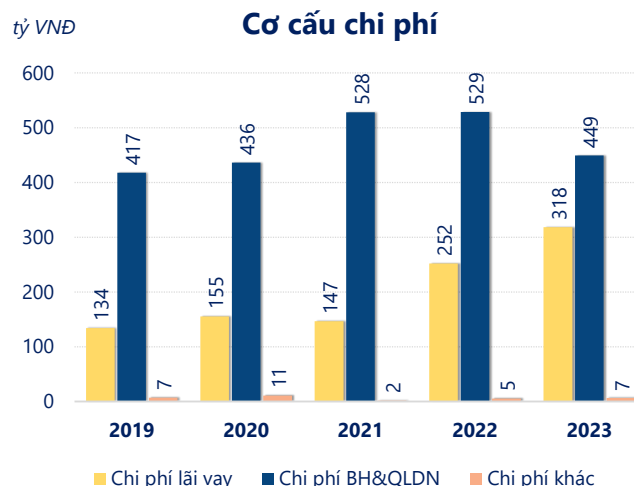
ROE	2023	+/- YoY
0.8%		▼ 2.7%

ROA	2023	+/- YoY
0.2%		▼ 0.7%



Năm **2023**, **SHI** ghi nhận doanh thu thuần **9,605** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **59.09** tỷ đồng, lần lượt **tăng 20.4%** và **giảm 32.3%** so với năm trước.

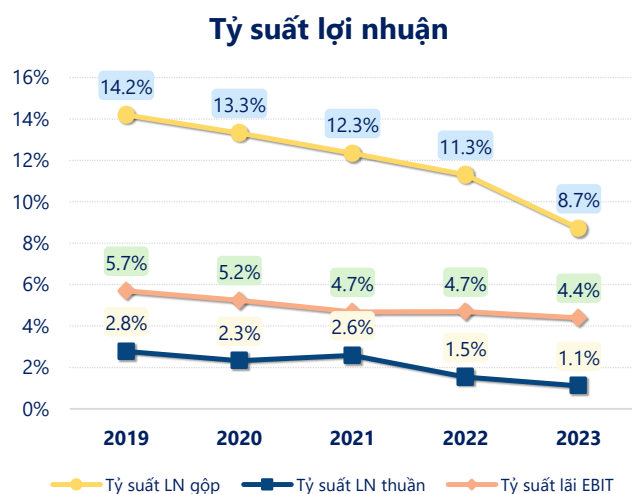
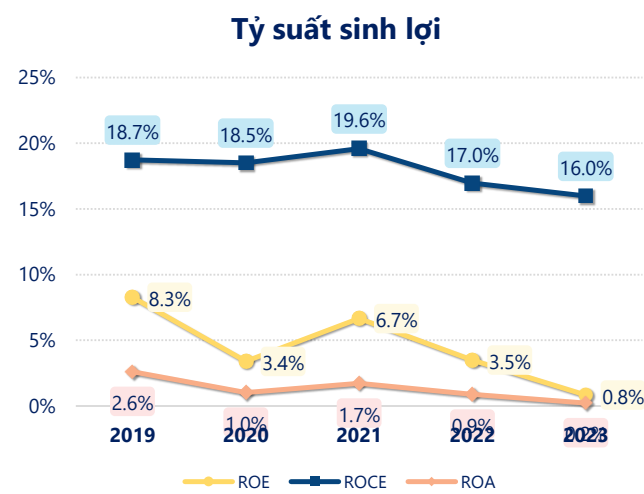
Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **0.83%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.



Năm **2023**, **SHI** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **106.7** tỷ đồng, **giảm đi 15.65** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (133.8 tỷ đồng) là 27.16 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **318.1** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **449.2** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **6.55** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của SHI năm 2023 **giảm** so với năm trước còn **0.83%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



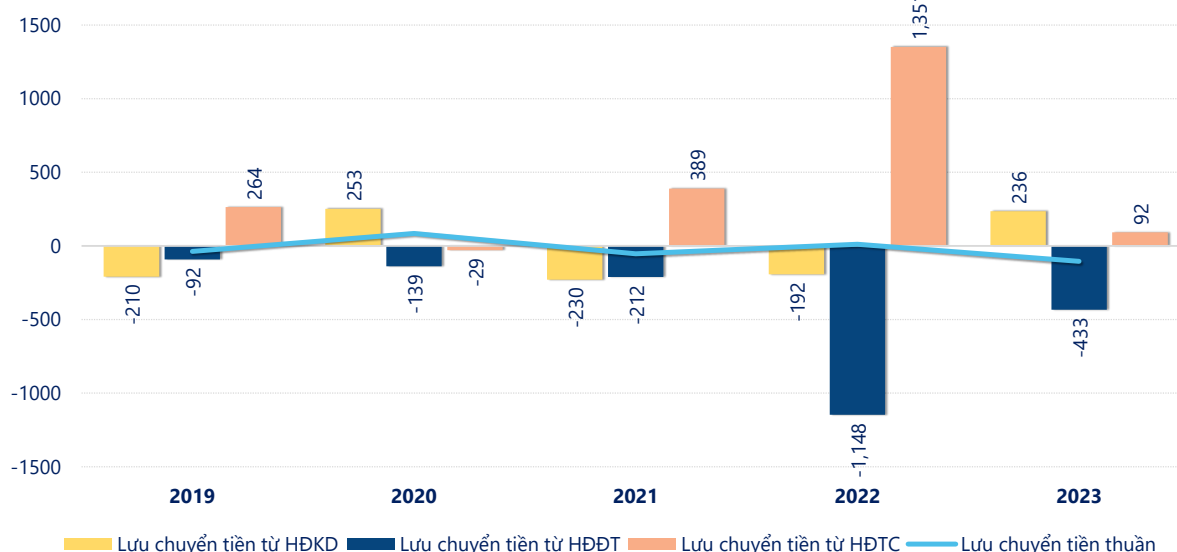
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	4,807	5,360	7,075	7,977	9,605
Giá vốn hàng bán	4,125	4,646	6,201	7,076	8,769
Lợi nhuận gộp	682	714	874	902	837
Doanh thu HĐTC	14.7	24.3	26.5	101	84.6
Chi phí TC	144	178	190	352	366
Chi phí lãi vay	134	155	147	252	318
LN trong công ty LKLD	-1.90	0.38	0.96	0.09	0.29
Chi phí bán hàng	296	291	365	352	287
Chi phí QLDN	122	145	163	177	162
LN thuần từ HĐKD	133	124	182	122	107
Lợi nhuận khác	6.63	1.43	2.02	0.08	-2.69
LN trước thuế	140	126	184	122	104
Lợi nhuận sau thuế	106	89.5	137	87.3	59.1
LNST của CĐ cty mẹ	99.0	44.1	89.4	58.1	16.5

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của SHI bằng **-104.6** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (10.68 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **236.4** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-432.5** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **91.52** tỷ đồng.